

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ  
SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

## MỤC LỤC

---

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2009	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 27

05583  
NG T  
CH H  
TTC  
T.  
PHO

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

## 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu, tiền thân là Công ty TNHH Điện - Điện tử - Tin học Sao Bắc Đầu, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó, với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 8 năm 2007.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80 tỷ đồng.

Trụ sở chính và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Trụ sở chính: 208-210 Khánh Hội, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại Hà Nội: Phòng 404, D10 Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh tại Đà Nẵng: 02 Quang Trung, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Đến thời điểm 31/12/2009, Công ty có đầu tư vào 4 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 của thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm (cùng với công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

Sản xuất, lắp ráp đặt, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, bị tin học. Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy Fax, tổng đài FABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học - mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang web. Dịch vụ cung cấp thông tin trên mạng Internet; Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (Không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (Thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng vi tính (Thiết kế, tạo lập trang chủ internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và các công nghệ truyền thông).



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

## 2. Thành viên của Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2009 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Đức Quang	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trần Tuyên Đức	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đỗ Văn Hào	Thành viên
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Hoàng Hải Thịnh	Thành viên
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Đặng Nam Sơn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2009 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Trần Anh Tuấn	Tổng Giám Đốc
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Lê Hồng Phong	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Võ Hùng Anh	Phó Tổng Giám Đốc Tổng vụ

## 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Các số liệu về tình hình kinh doanh hợp nhất trong năm 2009 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

## 4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo này.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

## 5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 cho Tập đoàn.

## 6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám Đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu và các công ty con phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2010*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRAN ANH TUẤN**

Số: 10.146/BCKTHN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội Đồng Quản Trị**  
**Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU**

Chúng tôi đã kiểm toán Bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con (dưới đây gọi tắt là Tập đoàn). Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2010

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

  
**LỤC THỊ VÂN**

Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**

  
**NGUYỄN CHÁNH THÀNH**

Chứng chỉ KTV số 0544/KTV



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>204.371.451.033</b>	<b>202.494.385.310</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>17.667.411.070</b>	<b>17.728.730.406</b>
1. Tiền	111		13.167.411.070	17.728.730.406
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.500.000.000	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	5.2	<b>147.114.443.407</b>	<b>122.764.269.111</b>
1. Phải thu khách hàng	131		140.822.626.209	116.590.119.622
2. Trả trước cho người bán	132		5.299.426.638	5.650.717.100
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		992.390.560	523.432.389
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.3	<b>31.843.355.194</b>	<b>48.810.406.558</b>
1. Hàng tồn kho	141		32.011.086.422	48.810.406.558
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(167.731.228)	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.746.241.362</b>	<b>13.190.979.235</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.819.822.502	3.190.647.907
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.238.569.208	1.615.998.613
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			11.299.098
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	3.687.849.652	8.373.033.617

(Phần tiếp theo ở trang 6)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>41.434.890.168</b>	<b>42.014.670.332</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>38.560.500.674</b>	<b>34.978.289.262</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>5.5</b>	<b>15.447.617.251</b>	<b>13.378.851.257</b>
- Nguyên giá	222		25.622.548.759	21.761.324.233
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.174.931.508)	(8.382.472.976)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>5.6</b>	<b>11.555.837.632</b>	<b>11.773.765.352</b>
- Nguyên giá	228		12.651.231.530	12.635.116.530
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.095.393.898)	(861.351.178)
<b>4. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>	<b>5.7</b>	<b>11.557.045.791</b>	<b>9.825.672.653</b>
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.626.027.833</b>	<b>2.972.493.800</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	<b>5.8</b>	1.226.027.833	2.972.493.800
3. Đầu tư dài hạn khác	258		400.000.000	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>260</b>			
<b>VI. Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>1.248.361.661</b>	<b>4.063.887.270</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	271		1.049.806.161	3.492.331.194
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272			
3. Tài sản dài hạn khác	278		198.555.500	571.556.076
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>280</b>		<b>245.806.341.201</b>	<b>244.509.055.642</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>185.016.283.000</b>	<b>187.101.327.426</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>185.016.283.000</b>	<b>182.873.786.205</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	97.115.922.941	71.835.774.597
2. Phải trả người bán	312	5.10	60.514.696.519	77.986.187.834
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	19.961.846.159	18.540.729.885
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	1.449.940.657	10.307.701.439
5. Phải trả người lao động	315	5.12	1.273.181.766	1.748.746.478
6. Chi phí phải trả	316		3.276.045.736	1.156.878.025
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.13	1.424.649.222	1.297.767.947
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			<b>4.227.541.221</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			4.222.222.221
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			5.319.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>56.123.916.756</b>	<b>53.729.319.897</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>56.123.916.756</b>	<b>53.729.319.897</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.14.2	43.198.040.000	37.563.790.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.14.1	7.960.553.900	7.960.553.900
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414	5.14.1	(330.000)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	5.14.1	(991.369.527)	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.14.1	349.878.228	356.100.733
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.14.1	1.075.056.573	525.710.169
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.14.1	4.532.087.582	7.323.165.095
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>4.666.141.445</b>	<b>3.678.408.319</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>500</b>		<b>245.806.341.201</b>	<b>244.509.055.642</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		1.080,22	280,51
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ngày 15 tháng 3 năm 2010

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**HỒ THỊ HỒNG HẠNH**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRẦN ANH TUẤN**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON  
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		325.173.194.944	391.953.212.223
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		16.086.000	19.116.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		325.157.108.944	391.934.095.723
4. Giá vốn hàng bán	11		266.069.073.419	314.855.285.095
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		59.088.035.525	77.078.810.628
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.1	1.422.345.505	7.884.098.166
7. Chi phí tài chính	22	6.2	9.399.454.129	15.632.363.314
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.586.667.775	9.917.682.644
8. Chi phí bán hàng	24	6.3	14.449.808.824	22.160.320.675
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	32.700.603.592	31.332.208.515
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		3.960.514.485	15.838.016.290
11. Thu nhập khác	31	6.5	532.780.987	1.245.989.648
12. Chi phí khác	32	6.6	644.854.412	862.189.724
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(112.073.425)	383.799.924
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50		2.027.833	(746.456.192)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	60		3.850.468.893	15.475.360.022
16.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		683.475.098	4.328.957.649
16.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (70=60-61-62)	70		3.166.993.795	11.146.402.373
17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			3.700.402.524	10.986.928.078
17.2. Lợi nhuận của cổ đông thiểu số			(533.408.729)	159.474.295
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		5.14.5	926	2.925

Ngày 15 tháng 3 năm 2010

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**HỒ THỊ HỒNG HẠNH**



**TRẦN ANH TUẤN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		273.534.470.678	455.472.089.144
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(274.893.045.920)	(416.598.101.626)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(24.053.149.114)	(22.286.137.592)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(6.537.377.773)	(10.548.837.112)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3.871.095.633)	(1.935.351.970)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		11.494.546.526	15.230.670.187
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7.724.792.722)	(32.754.066.140)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX - KD</b>	<b>20</b>		<b>(32.050.443.958)</b>	<b>(13.419.735.109)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(3.848.597.294)	(13.911.909.869)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22		50.035.439	54.343.365
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(3.424.530.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9.538.950.000	6.430.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		819.875.375	175.153.516
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>6.560.263.520</b>	<b>(10.676.942.988)</b>

(Phần tiếp theo ở trang 11)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			5.339.917.500
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			(89.917.500)
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33		224.789.195.091	163.239.220.879
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(199.360.333.989)	(125.959.551.195)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(7.489.696.760)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Tài chính</b>	<b>40</b>		<b>25.428.861.102</b>	<b>35.039.972.924</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(61.319.336)</b>	<b>10.943.294.827</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	5.1	<b>17.728.730.406</b>	<b>6.785.435.579</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	5.1	<b>17.667.411.070</b>	<b>17.728.730.406</b>

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HỒ THỊ HỒNG HẠNH

Ngày 15 tháng 3 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ANH TUẤN



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

*Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.*

## **1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

### **1.1. Các thông tin chung**

Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là Công ty), tiền thân là Công ty TNHH Điện - Điện tử - Tin học Sao Bắc Đầu, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó, với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 8 năm 2007.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80 tỷ đồng.

Trụ sở chính và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Trụ sở chính: 208-210 Khánh Hội, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại Hà Nội: Phòng 404, D10 Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh tại Đà Nẵng: 02 Quang Trung, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Công ty có đầu tư vào 4 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

### **1.2. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, thiết bị tin học. Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gởi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy Fax, tổng đài FABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học - mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông - mạng viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang web. Dịch vụ cung cấp thông tin trên mạng Internet; Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyên gia công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông).



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

## 1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các Công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính được hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu và báo cáo tài chính của các Công ty con được hợp nhất sau:

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH Tư vấn và Đào tạo Netpro	99%	99%
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Thông tin Việt	98%	98%
3.	Công ty Cổ phần Công nghệ mạng Việt Thành Công	67,20%	67,20%
4.	Công ty Cổ phần Học viện Sao Bắc Đầu	100%	100%

## 1.4. Danh sách các công ty liên kết

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm chi phí và thu nhập của Tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu sau khi các đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể. Nếu phần lỗ của Tập đoàn vượt quá khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận khoản lỗ, trừ khi Tập đoàn có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư. Theo đó, Công ty Cổ phần Giải pháp Quản lý Tích hợp Sao Bắc Đầu là Công ty liên kết với quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là 49%.

Công ty liên kết áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu.

## 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

## **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### **3.2. Hình thức kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chứng từ.

### **3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

## **4. Các chính sách kế toán áp dụng**

### **4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

### **4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư vào ngày khóa sổ năm tài chính được ghi nhận theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

## 4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho tại Công ty mẹ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Giá trị hàng tồn kho tại các Công ty con được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## 4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

## 4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 15 năm
+ Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
+ Phương tiện vận tải	3 - 5 năm
+ Thiết bị dụng cụ quản lý	2 - 5 năm
+ Phần mềm máy tính	3 năm

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

## 4.6. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội. Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

## 4.7. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo Điều lệ hoạt động của Công ty.
- Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Các quỹ được trích lập theo điều lệ hoạt động của Công ty.

## 4.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi bán. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư cũng bao gồm cổ tức từ các khoản đầu tư và được ghi nhận khi quyền của cổ đông đối với việc nhận khoản lợi tức này được thiết lập.

## 4.9. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Ngoài ra, theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/1/2009 của Bộ Tài Chính, Công ty thuộc đối tượng được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của quý IV năm 2008 và số thuế TNDN phải nộp của năm 2009.
- Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các công ty trong Tập đoàn.

## 4.10. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

## 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	5.162.546.876	1.835.961.081
Tiền gửi ngân hàng	7.999.880.113	15.892.769.325
Tiền đang chuyển	4.984.081	-
Các khoản tương đương tiền	4.500.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.667.411.070</b>	<b>17.728.730.406</b>

### 5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	140.822.626.209	116.590.119.622
Trả trước cho người bán	5.299.426.638	5.650.717.100
Các khoản phải thu khác	992.390.560	523.432.389
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>147.114.443.407</b>	<b>122.764.269.111</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(-)	(-)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>147.114.443.407</b>	<b>122.764.269.111</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

### 5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	442.733.501	-
Công cụ, dụng cụ	-	12.913.332
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	518.536.185	-
Hàng hóa	31.049.816.736	48.797.493.226
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>32.011.086.422</b>	<b>48.810.406.558</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(167.731.228)	(-)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>31.843.355.194</b>	<b>48.810.406.558</b>

### 5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng công nhân viên	2.048.934.567	2.971.434.015
Thế chấp, ký quỹ ngắn hạn	1.638.915.085	5.398.599.602
Khác	-	3.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.687.849.652</b>	<b>8.373.033.617</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác*

**5.5 Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm</b>	4.968.540.511	11.192.093.709	3.273.262.688	2.327.427.325	21.761.324.233
Tăng giảm do hợp nhất	-	162.825.556	(2.910.689.856)	(1.347.456.570)	(4.095.320.870)
Mua trong năm	-	2.518.275.744	-	311.051.604	2.829.327.348
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	6.985.355.751	-	-	6.985.355.751
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.270.591.902)	(362.572.832)	-	(1.633.164.734)
Giảm khác	-	(224.972.969)	-	-	(224.972.969)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.968.540.511</b>	<b>19.362.985.889</b>	<b>-</b>	<b>1.291.022.359</b>	<b>25.622.548.759</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	662.919.392	6.450.255.498	364.826.960	904.471.126	8.382.472.976
Tăng giảm do hợp nhất	-	21.737.198	(233.897.876)	(382.533.564)	(594.694.242)
Khấu hao trong năm	343.595.904	3.265.899.199	-	292.188.210	3.901.683.313
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.270.591.902)	(127.707.537)	-	(1.398.299.439)
Giảm khác	-	(116.231.100)	-	-	(116.231.100)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.006.515.296</b>	<b>8.351.068.893</b>	<b>3.221.547</b>	<b>814.125.772</b>	<b>10.174.931.508</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	4.305.621.119	4.741.838.211	2.908.435.728	1.422.956.199	13.378.851.257
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>3.962.025.215</b>	<b>11.011.916.996</b>	<b>(3.221.547)</b>	<b>476.896.587</b>	<b>15.447.617.251</b>

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp là 3.951.711.884 đồng như đề cập tại mục 5.9 của thuyết minh này. Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.022.135.015 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.6. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	11.516.569.200	1.118.547.330	12.635.116.530
Tăng do hợp nhất	-	16.115.000	16.115.000
Mua sắm mới	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>11.516.569.200</u></b>	<b><u>1.134.662.330</u></b>	<b><u>12.651.231.530</u></b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	861.351.178	861.351.178
Tăng do hợp nhất	-	3.133.466	3.133.466
Khấu hao trong năm	-	230.909.254	230.909.254
Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.095.393.898</u></b>	<b><u>1.095.393.898</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	11.516.569.200	257.196.152	11.773.765.352
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b><u>11.516.569.200</u></b>	<b><u>39.268.432</u></b>	<b><u>11.555.837.632</u></b>

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng như đã nêu tại mục 5.9 của thuyết minh này.

*(Phần tiếp theo trang 20)*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

## 5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Dự án Trung tâm tích hợp hệ thống tại Khu chế xuất Tân Thuận	10.841.382.842	9.810.201.346
- Tiền thuê đất	8.975.326.000	8.975.326.000
- Chi phí lãi vay	1.822.161.206	834.875.346
- Phí thuê định giá	43.895.636	-
Công trình Ariant Apartment	57.259.363	-
Công trình Saigon Pearl	384.305.068	-
Công trình Ruby Land	105.115.109	-
Công trình V-Star	163.571.160	-
Công trình Thịnh Lợi	-	-
Công trình Trần Thái	893.801	-
Công trình A&B Tower	4.518.448	-
Khác	-	15.471.307
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.557.045.791</b>	<b>9.825.672.653</b>

Theo Giao ước số 175/TTC-NV.07 ngày 27/11/2007 với Công ty TNHH Tân Thuận, Công ty thuê lô đất U.12b-16a, đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận với tổng giá trị tiền thuê trong 34 năm là 1.080.000 USD. Đến ngày 31/12/2009, Công ty đã thanh toán 50% giá trị giao ước (tương đương 540.000 USD), số tiền còn lại được thanh toán trong 5 năm với lãi suất 7,5%/năm.

## 5.8. Đầu tư vào công ty liên kết

	Vốn gốc	Hợp nhất quyền lợi	Cuối năm
Công ty Cổ phần Giải pháp Quản lý Tích hợp Sao Bắc Đầu	1.224.000.000	2.027.833	1.226.027.833
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.224.000.000</b>		<b>1.226.027.833</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

## 5.9. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	86.093.909.941	57.577.174.190
Vay ngắn hạn cá nhân	11.022.013.000	12.851.193.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	-	1.407.407.407
<b>Tổng cộng</b>	<b>97.115.922.941</b>	<b>71.835.774.597</b>

Vay ngắn hạn ngân hàng chịu lãi suất từ 0,78%/tháng đến 1,06%/tháng đối với VND và từ 0,37%/tháng đến 0,79%/tháng đối với USD. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất có giá trị còn lại lần lượt là 3.951.711.884 đồng và 11.516.569.200 đồng (xem mục 5.5 và 5.6).

- Tín chấp quản lý nguồn thu phát sinh từ các hợp đồng ký giữa Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu và một số nhóm khách hàng đặc biệt.

Vay ngắn hạn cá nhân là các khoản vay tín chấp có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 10%/năm đến 11%/năm đối với VND.

## 5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	60.514.696.519	77.986.187.834
Người mua trả tiền trước	19.961.846.159	18.540.729.885
<b>Tổng cộng</b>	<b>80.476.542.678</b>	<b>96.526.917.719</b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

## 5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	700.070.274	3.960.191.879
Thuế giá trị gia tăng	279.767.856	4.705.464.371
Thuế nhập khẩu	158.823.392	1.229.400.733
Thuế thu nhập cá nhân	268.501.159	412.644.456
Thuế nhà thầu	36.386.733	-
Các loại thuế khác	6.391.243	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.449.940.657</b>	<b>10.307.701.439</b>

## 5.12. Phải trả người lao động

Là tiền lương tháng 13 năm 2009 phải trả.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
BHXH, BHYT và KPCĐ	687.898.365	386.660.092
Doanh thu chưa thực hiện	-	800.960.255
Tài sản thừa chờ xử lý	6.244.200	-
Phải trả khác	730.506.657	110.147.600
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.424.649.222</b>	<b>1.297.767.947</b>

*(Phần tiếp theo trang 23)*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.14. Vốn chủ sở hữu

#### 5.14.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>37.563.790.000</b>	<b>7.960.553.900</b>	-	-	<b>349.878.228</b>	<b>93.419.877</b>	<b>4.190.509.569</b>	<b>50.158.151.574</b>
LN đầu kỳ của các Công ty con	-	-	-	-	11.607.365	-	(48.394.026)	(36.786.661)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	10.986.928.070	10.986.928.070
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(7.402.681.000)	(7.402.681.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	545.814.190	(545.814.190)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(113.523.898)	-	(113.523.898)
Lãi/lỗ từ tăng lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	(5.384.860)	-	27.600.474	22.215.614
Khác	-	-	-	-	-	-	115.016.198	115.016.198
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>37.563.790.000</b>	<b>7.960.553.900</b>	-	-	<b>356.100.733</b>	<b>525.710.169</b>	<b>7.323.165.095</b>	<b>53.729.319.897</b>
LN đầu kỳ của các Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm	5.634.250.000	-	-	-	-	-	-	5.634.250.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	3.700.402.524	3.700.402.524
Mua lại cổ phiếu	-	-	(330.000)	-	-	-	-	(330.000)
Đánh giá số dư cuối kỳ có góc ngoại tệ	-	-	-	(991.369.527)	-	-	-	(991.369.527)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(5.634.250.000)	(5.634.250.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	549.346.404	(549.346.404)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ từ tăng lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	(6.222.505)	-	(307.365.553)	(313.588.058)
Khác	-	-	-	-	-	-	(518.080)	(518.080)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>43.198.040.000</b>	<b>7.960.553.900</b>	<b>(330.000)</b>	<b>(991.369.527)</b>	<b>349.878.228</b>	<b>1.075.056.573</b>	<b>4.532.087.582</b>	<b>56.123.916.756</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.14.2 Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông sáng lập	21.880.630.000	50,65	19.586.900.000	52,14
Cổ đông khác	21.317.410.000	49,35	17.976.890.000	47,86
<b>Tổng cộng</b>	<b>43.198.040.000</b>	<b>100,00</b>	<b>37.563.790.000</b>	<b>100,00</b>

**5.14.3 Cổ tức**

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chia trên cổ phiếu phổ thông	5.634.250.000	7.402.681.000

Cổ tức đã chia trong năm nay là cổ tức của năm 2008, được chia với tỷ 15%/vốn chủ sở hữu và chia bằng cổ phiếu. Cổ tức năm 2009 sẽ được công bố sau khi tổ chức Đại hội cổ đông năm 2010.

**5.14.4 Cổ phiếu**

	Cuối năm	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	4.319.804	3.756.379
▪ Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	4.319.804	3.756.379
▪ Số lượng cổ phiếu phổ thông mua lại	33	-
▪ Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.319.771	3.756.379
▪ Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông Tập đoàn. Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn.		

**5.14.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	3.700.402.524	10.986.928.078
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.994.084	3.756.379
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>926</b>	<b>2.925</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

## 6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

### 6.1. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu từ chuyển nhượng vốn	254.444.444	7.200.000.000
Khác	1.167.901.061	684.098.166
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.422.345.505</b>	<b>7.884.098.166</b>

### 6.2. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.586.667.775	9.917.682.644
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.812.786.354	5.703.329.894
Khác	-	11.350.776
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.399.454.129</b>	<b>15.632.363.314</b>

### 6.3. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	7.256.913.686	9.746.062.608
Chi phí vật liệu bao bì	-	14.719.294
Chi phí công cụ dụng cụ	12.632.917	37.062.391
Chi phí đồ dùng văn phòng	211.689.730	207.959.476
Chi phí thuê giảng viên	-	1.189.594.704
Chi phí cộng tác viên	108.819.500	82.378.170
Chi phí khấu hao	1.245.940.113	588.635.525
Chi phí bảo hành	358.035.067	233.186.180
Chi phí quảng cáo tiếp thị	47.827.645	154.943.850
Chi phí dịch vụ mua ngoài	600.122.723	1.267.216.251
Chi phí Pre – Sale	1.496.841.889	3.206.386.161
Chi phí bằng tiền khác	3.110.985.554	5.432.176.065
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.449.808.824</b>	<b>22.160.320.675</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

## 6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	17.856.339.515	17.077.065.229
Chi phí công cụ quản lý	1.288.334.339	1.195.654.025
Chi phí đồ dùng văn phòng	207.977.128	473.962.037
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.602.875.418	2.155.997.047
Chi phí thuế, phí, lệ phí	386.635.076	291.663.822
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	343.317.353
Chi phí dự phòng	-	240.402.115
Chi phí chuyển tiền	518.967.106	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.471.185.916	5.163.330.733
Chi phí bằng tiền khác	5.368.289.094	4.390.816.154
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.700.603.592</b>	<b>31.332.208.515</b>

## 6.5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	45.702.686	54.343.365
Thưởng từ Công ty Cisco	-	804.763.187
Hoàn nhập chi phí	-	171.463.115
Thu nhập khác	487.078.301	215.419.981
<b>Tổng cộng</b>	<b>532.780.987</b>	<b>1.245.989.648</b>

## 6.6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	101.941.153	43.205.376
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	-	289.064.440
Xử lý nợ khó đòi	-	229.711.106
Chi phí khác	542.913.259	300.208.802
<b>Tổng cộng</b>	<b>644.854.412</b>	<b>862.189.724</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

## 7. Thông tin về các bên có liên quan

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Tổng Giám đốc như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	715.684.606	380.653.777
Lương Tổng Giám đốc	<u>451.260.120</u>	<u>439.394.171</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.166.944.726</u></b>	<b><u>820.047.948</u></b>

## 8. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Tập đoàn thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có kỳ hạn từ 5 đến 34 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	-	-

Tại ngày 31/12/2009, Tập đoàn có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.179.640.844	-
Trên 1 năm đến 5 năm	4.718.563.376	4.718.563.376
Trên 5 năm	<u>5.898.204.220</u>	<u>7.077.845.064</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>11.796.408.440</u></b>	<b><u>11.796.408.440</u></b>

## 9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

## 10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 15 tháng 03 năm 2010.

Ngày 15 tháng 3 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

HỒ THỊ HỒNG HẠNH



TRẦN ANH TUẤN